

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (cũ) giai đoạn 2020-2024

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11657/TTr-SNNMT ngày 08 tháng 12 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (cũ) giai đoạn 2020-2024.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản

2, khoản 3, khoản 4 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 về việc ban hành bảng giá đất trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (nay là phường Tân Mai và phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An) giai đoạn 2020-2024 như sau:

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Trưởng Thuế tỉnh Nghệ An; Chủ tịch UBND phường Tân Mai và phường Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra Văn bản và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch (UBND tỉnh đề b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP TC UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- CT UBND các phường: Tân Mai và Hoàng Mai;
- Lưu VT, NN (9) ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Thành Vinh

BỔ SUNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG TÂN MAI VÀ PHƯỜNG HOÀNG MAI (THỊ XÃ HOÀNG MAI CŨ), TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/2025/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

TT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá (đ/m2)	Ghi chú
		Từ	Đến		
A	PHƯỜNG TÂN MAI				
1	Khu quy hoạch chia lô đất ở đấu giá khối Tân Đông, phường Quỳnh Di, thị xã Hoàng Mai năm 2016				
	Đường QH15m	Lô số 1 tờ bản đồ số 17	Lô 119 tờ bản đồ số 5	12.000.000	
2	Khu quy hoạch chia lô đất ở đấu giá khối Tân Đông, phường Quỳnh Di, thị xã Hoàng Mai GĐ1 (được UBND thị xã Hoàng Mai phê duyệt tại Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 12/3/2020)				
	Đường QH 9m	Lô 409 tờ bản đồ số 5	Lô 394 tờ bản đồ số 5	10.500.000	
		Lô 390 tờ bản đồ số 5	Lô 378 tờ bản đồ số 5	9.000.000	
		Lô 375 tờ bản đồ số 5	Lô 340 tờ bản đồ số 5	8.500.000	
	Đường QH 12m	Lô 403 tờ bản đồ số 5	Lô 409 tờ bản đồ số 5	10.500.000	
		Lô 402 tờ bản đồ số 5	Lô 391 tờ bản đồ số 5	10.500.000	
		Lô 387 tờ bản đồ số 5	Lô 377 tờ bản đồ số 5	9.000.000	
		Lô 376 tờ bản đồ số 5	Lô 339 tờ bản đồ số 5	8.500.000	
	Đường QH 15m	Lô 391 tờ bản đồ số 5	Lô 394 tờ bản đồ số 5	10.500.000	
3	Khu quy hoạch chia lô đất ở đấu giá khối Tân Đông, phường Quỳnh Di, thị xã Hoàng Mai GĐ 2 (được UBND thị xã Hoàng Mai phê duyệt tại Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 07/6/2024)				
	Đường QH 12m	Lô 649 tờ bản đồ số 5	Lô 659 tờ bản đồ số 5	10.500.000	

4	Khu Dự án khu dân cư, du lịch và dịch vụ Cửa Cờn tại khối Tân Đông, phường Quỳnh Dị				
	Đường QH 60m	Từ thửa 78 tờ bản đồ số 18	Đến thửa 158 tờ bản đồ số 14	14.000.000	
	Đường QH 60m (khu vực cầu đường ven biển)	Từ thửa 310 tờ bản đồ số 18	Đến thửa 145 tờ bản đồ số 18	12.000.000	
	Đường QH 60m (khu vực cầu đường ven biển)	Từ thửa 152 tờ bản đồ số 14	Đến thửa 11 tờ bản đồ số 14	12.000.000	
	Đường 20m	Đầu đường	Cuối đường	12.000.000	
	Đường 16,5m	Đầu đường	Cuối đường	10.000.000	
	Đường 14,5m	Đầu đường	Cuối đường	9.000.000	
	Đường 14m	Đầu đường	Cuối đường	9.000.000	
	Đường 13,5m	Đầu đường	Cuối đường	9.000.000	
	Đường đê ven sông	Đầu đường	Cuối đường	9.000.000	
	Đường 11m	Đầu đường	Cuối đường	8.000.000	
	Đường 7m	Đầu đường	Cuối đường	6.000.000	
5	Khu dân cư và dịch vụ du lịch thương mại tại khối Tân Đông, phường Quỳnh Dị				
	Đường 12m	Đầu đường	Cuối đường	8.000.000	
	Đường 15m	Đầu đường	Cuối đường	10.000.000	
	Đường 9m	Đầu đường	Cuối đường	7.000.000	
6	Khu Quy hoạch đấu giá Cồn Ran, Làng Sen, xã Quỳnh Lộc (Khối 7)				
	Bám đường Trần Nhật Duật (phía tây đường)	Thửa 1067 tờ bản đồ số 11	Đến thửa 1090 tờ bản đồ số 11	6.000.000	
7	Khu Quy hoạch đấu giá Đồng Bài, xã Quỳnh Lộc				
	Bám đường Trần Nhật Duật (phía tây đường)	Thửa 99 tờ bản đồ số 16	Đến thửa 385 tờ bản đồ số 16	6.000.000	
	Đường quy hoạch 12 m	Thửa 1031 tờ bản đồ số 13	Đến thửa 1036 tờ bản đồ số 13	4.100.000	

	Đường quy hoạch 12 m	Thửa 1282 tờ bản đồ số 16	Đến thửa 1305 và 1370, 1371 tờ bản đồ số 16	4.100.000	
	Đường quy hoạch 12 m	Thửa 1366 tờ bản đồ số 16	Đến thửa 1401 tờ bản đồ số 16	4.100.000	
	Đường quy hoạch 12 m	Thửa 1402 tờ bản đồ số 16	Đến thửa 1412 tờ bản đồ số 16	4.200.000	
8	Khu Quy hoạch đấu giá Trạm Y tế thôn 4, xã Quỳnh Lộc				
	Bám đường Hải Thượng Lãn Ông	Thửa 90, 92, 93 và 94 tờ 35	Đến thửa 90, 92, 93 và 94 tờ bản đồ số 35	6.500.000	
	Đường quy hoạch 12 m	Thửa 91 và 95 tờ 35	Đến thửa 91 và 95 tờ bản đồ số 35	3.500.000	
9	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư phục vụ GPMB để thực hiện dự án Khu công nghiệp Hoàng Mai 1 - Bản đồ quy hoạch chia lô đất ở (điều chỉnh) (Kèm theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 07/6/2022)				
	Bám đường quy hoạch 36 m	Lô số 2	Đến lô số 24	6.000.000	
	Bám đường quy hoạch 11,5 m	Lô số 3, 13 và 25	Đến lô số 39, 53, 66	5.300.000	
	Bám đường quy hoạch 11,5 m	Lô số 40, 54, 67	Đến lô số 52, 65, 78	4.100.000	
B	PHƯỜNG HOÀNG MAI				
I	CÁC KHU QUY HOẠCH ĐẤU GIÁ (XÃ QUỲNH TRANG CŨ)				
1	Quy hoạch khu đấu giá khối 16, đường QH 9m	Từ lô số B 01	Đến lô số B25	4.500.000	
2	Quy hoạch khu đấu giá khối 16, đường QH 9m	Từ lô số A01	Đến lô số A13	4.000.000	
3	Đường quy hoạch 12m (đấu giá 10 tấn khối 17)	Từ Thửa 671	Đến thửa 795	6.000.000	
4	Đường quy hoạch 12m (đấu giá 10 tấn khối 17)	Từ Thửa 670	Đến thửa 785	5.500.000	



5	Đường quy hoạch 12m (đầu giá 10 tấn khối 17)	Từ Thửa 648	Đến thửa 617	5.500.000	
6	Đường quy hoạch 9m (đầu giá 10 tấn khối 17)	Từ Thửa 632	Đến thửa 784	5.000.000	
7	Khu TĐC cao tốc, đường quy hoạch 12m	Từ lô C1	Đến lô C15	5.000.000	
8	Khu TĐC cao tốc, đường quy hoạch 12m	Từ lô C16	Đến lô C29	3.500.000	
II CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẶT TÊN (KHU TÁI ĐỊNH CƯ CAO TỐC THUỘC XÃ QUỲNH VINH CŨ)					
1	Đường quy hoạch 18m (cao tốc) mặt đường khối 7 và khối 8	Thửa số 2920, tờ bản đồ số 27 (khối 7)	Thửa số 2982, 2869, tờ bản đồ số 27	9.000.000	
2	Đường quy hoạch 20m (cao tốc)	Thửa số 2912, tờ bản đồ số 27 (khối 7)	Thửa số 2861, tờ bản đồ số 27	8.000.000	
3	Đường quy hoạch 13m (cao tốc)	Thửa số 2928, tờ bản đồ số 27 (khối 7)	Đến thửa số 2940; 2840 đến 2929, đến 2963, tờ bản đồ số 27	7.000.000	
4	Đường quy hoạch 13m (cao tốc)	Thửa số 1545, tờ bản đồ số 23 (khối 7)	Đến thửa số 1504, 1522, đến sân vận động thửa 1536, tờ bản đồ số 23	8.000.000	
5	Đường quy hoạch 20m (cao tốc)	Thửa số 1544, tờ bản đồ số 23 (khối 7)	Đến thửa số 1502, tờ bản đồ số 23	8.000.000	
III CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI TẠI KHỐI TÂN SƠN (PHƯỜNG QUỲNH THIỆN CŨ)					
1	Các thửa đất còn lại trong khu dân cư, khối Tân Sơn (tờ bản đồ số 9, 10, 30, 29, 13, 31)			2.000.000	